TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2023/DS-ST
Ngày: 08/6/2023
V/v: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Việt Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Tấn Độ;

2. Bà Võ Phương Trang.

- *Thư ký phiên tòa*: bà Lê Thị Kim Cương, là thư ký Tòa án nhân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2022/TLST – DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-DS ngày 11/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn V T, sinh năm: 19tt (có mặt);

1.2. Bà Nguyễn T A T, sinh năm: 19bb (có mặt);

Cùng địa chỉ: số zzz, đường 2, khu phố xx, phường A, quận B, Thành phố H.

1.3. Bà Dương T C, sinh năm 19rr (có mặt);

Địa chỉ: số qq, đường Lê V Q, phường A, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn V T, sinh năm: 19tt và Bà Nguyễn T A T, sinh năm: 19bb; Cùng địa chỉ: số zzz, đường 2, khu phố xx, phường A, quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Huỳnh Q N, sinh năm: 19tt (vắng mặt);

2.2. Ông Lê T Q, sinh năm: 19bb (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: số xx, đường A, phường A, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ông Nguyễn V T, Bà Nguyễn T A T và Bà Dương T C và bản tự khai của các bên đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn là Ông Nguyễn V T, Bà Nguyễn T A T và Bà Dương T C trình bày:

Ngày 18/05/2018 ông T, bà T và bà C có hùn chung số tiền 8.500.000.000 đồng (Tám tỷ năm trăm triệu đồng) để đặt cọc mua căn nhà đất tọa lạc tại số A, 10, phường B, quận B, Thành phố H với giá chuyển nhượng là 16.500.000.000 đồng (Mười sáu tỷ năm trăm triệu đồng). Bà T là người đại diện ông T, bà T và bà C giao số tiền 8.500.000.000 đồng và ký kết hợp đồng thỏa thuận đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất để mua căn nhà đất tọa lạc tại số A, 10, phường B, quận B, Thành phố H.

Do Bà Huỳnh Q N và chồng là Ông Lê T Q muốn mua lại nhà đất số A, 10 nêu trên, nên ngày 15/11/2018 ông T, bà T và Chung quyết định sang lại hợp đồng mua bán nhà đất số 558/15A tại Văn phòng công chứng số w trụ sở tại cc H, Phường v, Quận Th, Thành phố H với bên bán. Bà Huỳnh Q N đã bỏ ra thêm số tiền 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng) giao cho bên bán. Như vậy, vợ chồng bà N đã thanh toán hết tiền mua nhà cho bên bán với tổng số tiền là 16.500.000.000 đồng (gồm: 8.500.000.000 đồng của ông T, bà T và bà C đã đặt cọc trước đó và 8.000.000.000 đồng vợ chồng bà N đã trả sau này). Thỏa thuận, ngay sau khi bà N ký hợp đồng công chứng mua bán nhà đất nêu trên với bên bán thì vợ chồng bà N phải trả số tiền đặt cọc 8.500.000.000 đồng mà ông T, bà T và bà C đã cọc để mua nhà đất số A, 10 nêu trên. Tuy nhiên, đến nay bà N vẫn chưa có tiền để trả.

Do đó, ngày 15/11/2018, Ông Nguyễn V T, Bà Nguyễn T A T và Bà Dương T C với Bà Huỳnh Q N ký kết Hợp đồng vay tiền số 023374 tại Văn phòng công chứng Bình Tân để làm tin cho số tiền 8.500.000.000 đồng mà trước đó ông T, bà T và bà C đã đặt cọc dùm cho bà N mua nhà đất tọa lạc tại số A, 10, phường B, quận B, Thành phố H. Các bên đã lập Văn bản giao nhận tiền và xác nhận tài sản bảo đảm trả nợ, theo đó: ông T, bà T và bà C đã giao đủ cho bà N số tiền 8.500.000.000 đồng; bà N đã xác nhận sử dụng giá trị quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của bà N là căn nhà số A, 10, phường B, quận B, Thành phố H sau khi được Ủy ban nhân dân quận B cấp chứng nhận cho bà N để bảo đảm cho việc thanh toán số tiền vay và lãi suất, nhưng các bên chưa thực hiện thủ tục đăng ký bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 12/3/2019, Ông Lê T Q cam kết đến hết ngày 25/3/2019 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho giấy nợ ký ngày 15/11/2018 và trả số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 22/4/2019, Bà Huỳnh Q N cam kết đến ngày 07/5/2019 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền theo hợp đồng vay vốn ngày 15/11/2018.

Tính đến hiện nay, bà N đã thanh toán cho ông T, bà C, bà T tổng số tiền là 7.510.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt cho bà T hoặc bà C. Tổng số tiền bà N còn nợ ông T, bà C, bà T là 890.000.000 đồng.

Đối với số tiền 8.500.000.000 đồng mà ông T, bà T và bà C hùn nhau cho bà N mượn thì vợ chồng ông T, Tuyết hùn số tiền 5.500.000.000 đồng; bà C hùn số tiền 3.000.000.000 đồng. Ông T, bà T và bà C không yêu cầu Tòa án chia tỷ lệ hùn vốn trong số tiền 8.500.000.000 đồng, các ông bà sẽ tự giải quyết phần hùn vốn với nhau. Đối với số tiền 7.510.000.000 đồng mà bà N đã trả cho ông T, bà T và bà C thì các ông bà đã tự chia với nhau xong, không yêu cầu phân chia theo tỷ lệ hùn vốn.

Đối với số tiền mà bà N và ông Q còn nợ gồm: nợ gốc là 890.000.000 đồng, nợ lãi theo quy định pháp luật từ ngày 16/01/2019 cho đến khi Tòa án xét xử thì chỉ yêu cầu bà N và ông Q trả cho ông T, bà T và bà C (ông T, bà T và bà C sẽ tự phân chia theo tỷ lệ hùn vốn, không yêu cầu Tòa án giải quyết theo tỷ lệ hùn vốn).

Đối với căn nhà số A, 10, phường B, quận B, Thành phố H thì ông T, bà T và bà C không có yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy số tiền 8.500.000.000 đồng là tiền đặt cọc mua căn nhà số A, 10, phường B, quận B, Thành phố H nhưng các bên đã chuyển hóa số tiền trên thành tiền cho vay theo Hợp đồng vay tiền số 023374 ngày 15/11/2018, nên hai bên không còn tranh chấp, liên quan gì đến căn nhà số A, 10, phường B, quận B, Thành phố H.

Tại Tòa án, Ông Nguyễn V T, Bà Nguyễn T A T và Bà Dương T C yêu cầu Tòa án:

- Buộc Bà Huỳnh Q N và chồng là Ông Lê T Q trả cho Ông Nguyễn V T, Bà Nguyễn T A T và Bà Dương T C số tiền nợ gốc là 890.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 16/01/2019 cho đến khi Tòa án xét xử, mức lãi suất 10%/năm.

Ông T, bà T, bà C xác định số tiền ông T, bà T và bà C cho vợ chồng bà N vay là tài sản riêng hợp pháp của bà C, tài sản chung hợp pháp của ông T và bà T. Ông T, bà T và bà C yêu cầu vợ chồng bà N, ông Q cùng có trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi mà không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ. Ông T, bà T và bà C không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai khác tham gia tố tụng.

Bị đơn là Bà Huỳnh Q N và Ông Lê T Q: vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn (ông T, bà T và bà C) trình bày thống nhất: yêu cầu Tòa án buộc Bà Huỳnh Q N và chồng là Ông Lê T Q trả số tiền nợ gốc là 850.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 16/01/2019 cho đến khi Tòa án xét xử, mức lãi suất 10%/năm của số tiền nợ gốc giảm dần làm tròn là 1.400.000.000 đồng.

- Bị đơn Bà Huỳnh Q N và Ông Lê T Q đã được Toà án tống đạt hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự; tuy nhiên thời hạn giải quyết chưa đảm bảo theo quy định. Về nội dung của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* nguyên đơn (ông T, bà T và bà C) có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn Bà Huỳnh Q N và Ông Lê T Q. Bị đơn có nơi cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn Bà Huỳnh Q N và Ông Lê T Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Bà Huỳnh Q N và Ông Lê T Q để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà N, ông Q vẫn vắng mặt không có lý do, nên không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, thì: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn (ông T, bà T và bà C) và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu trả số tiền nợ vay của nguyên đơn (ông T, bà T và bà C):

- Ngày 15/11/2018 Ông Nguyễn V T, Bà Nguyễn T A T và Bà Dương T C với Bà Huỳnh Q N ký kết Hợp đồng vay tiền số 023374 tại Văn phòng công chứng Bình Tân và lập Văn bản giao nhận tiền để làm tin cho số tiền 8.500.000.000 đồng mà trước đó nguyên đơn (ông T, bà T và bà C) đã đặt cọc dùm cho bà N mua nhà đất tọa lạc tại số 558/15A, Tỉnh lộ 10, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân. Sau đó ngày 12/3/2019 Ông Lê T Q viết văn bản cam kết đến hết ngày 25/3/2019 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền theo hợp đồng vay công chứng ngày 15/11/2018 và trả số tiền 50.000.000 đồng; ngày 22/4/2019 Bà

Huỳnh Q N viết tiếp văn bản cam kết đến ngày 07/5/2019 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền theo hợp đồng vay công chứng ngày 15/11/2018.

Tại phiên tòa, nguyên đơn (ông T, bà T và bà C) thống nhất cho rằng vợ chồng bà N đã thanh toán được tổng số tiền là 7.650.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt. Bị đơn (bà N, ông Q) có vay tiền của nguyên đơn (ông T, bà T và bà C), đã hết thời hạn trả nợ vay theo thỏa thuận nhưng bị đơn vẫn chưa trả hết số tiền đã vay của nguyên đơn. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay là trả đủ số tiền và đúng hạn, tuy nhiên đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận mà bị đơn vẫn chưa trả hết là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, gây thiệt hại cho phía nguyên đơn, ngoài ra Ông Lê T Q (chồng bà N) cũng có cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số tiền theo hợp đồng vay công chứng ngày 15/11/2018. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông T, bà T và bà C), buộc Bà Huỳnh Q N và Ông Lê T Q cùng trả số tiền nợ gốc là 850.000.000 đồng là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn (ông T, bà T và bà C):

Nguyên đơn (ông T, bà T và bà C) yêu cầu buộc Bà Huỳnh Q N, Ông Lê T Q cùng trả tiền lãi tính từ ngày 16/01/2019 đến thời điểm Tòa án xét xử với mức lãi suất 10%/năm của số tiền nợ gốc giảm dần. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cùng những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau:

- Số tiền nợ gốc từ ngày 15/11/2018: 8.500.000.000 đồng.

- Ngày 15/12/2018, bị đơn trả số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

- Ngày 16/01/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 8.450.000.000 đồng. Ngày 10/02/2019, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 16/01/2019 đến ngày 10/02/2019 là: 8.450.000.000 đồng x 24 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 56.333.333 đồng.

- Ngày 11/02/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 8.350.000.000 đồng. Ngày 18/6/2019, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 11/02/2019 đến ngày 18/6/2019 là: 8.350.000.000 đồng x 128 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 296.888.888 đồng.

- Ngày 19/6/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 7.450.000.000 đồng. Ngày 07/9/2019, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 19/6/2019 đến ngày 07/9/2019 là: 7.450.000.000 đồng x 79 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 163.486.111 đồng.

- Ngày 08/9/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 6.550.000.000 đồng. Ngày 08/11/2019, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 08/9/2019 đến ngày 08/11/2019 là: 6.550.000.000 đồng x 60 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 109.166.666 đồng.

- Ngày 09/11/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 6.250.000.000 đồng. Ngày 03/4/2020, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 09/11/2019 đến ngày 03/4/2020 là: 6.250.000.000 đồng x 145 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 251.736.111 đồng.

- Ngày 04/4/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 6.200.000.000 đồng. Ngày 16/5/2020, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 04/4/2020 đến ngày 16/5/2020 là: 6.200.000.000 đồng x 43 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 74.055.555 đồng.

- Ngày 17/5/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 6.000.000.000 đồng. Ngày 26/6/2020, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 17/5/2020 đến ngày 26/6/2020 là: 6.000.000.000 đồng x 40 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 66.666.666 đồng.

- Ngày 27/6/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 5.800.000.000 đồng. Ngày 10/8/2020, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 27/6/2020 đến ngày 10/8/2020 là: 5.800.000.000 đồng x 44 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 70.888.888 đồng.

- Ngày 11/8/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 5.600.000.000 đồng. Ngày 16/8/2020, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 11/8/2020 đến ngày 16/8/2020 là: 5.600.000.000 đồng x 6 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 9.333.333 đồng.

- Ngày 17/8/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 5.400.000.000 đồng. Ngày 28/8/2020, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 17/8/2020 đến ngày 28/8/2020 là: 5.400.000.000 đồng x 12 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 18.000.000 đồng.

- Ngày 29/8/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 5.200.000.000 đồng. Ngày 09/9/2020, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 29/8/2020 đến ngày 09/9/2020 là: 5.200.000.000 đồng x 11 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 15.888.888 đồng.

- Ngày 10/9/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 5.000.000.000 đồng. Ngày 16/9/2020, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 10/9/2020 đến ngày 16/9/2020 là: 5.000.000.000 đồng x 7 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 9.722.222 đồng.

- Ngày 17/9/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 4.700.000.000 đồng. Ngày 16/10/2020, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 17/9/2020 đến ngày 16/10/2020 là: 4.700.000.000 đồng x 30 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 39.166.666 đồng.

- Ngày 17/10/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 4.200.000.000 đồng. Ngày 03/11/2020, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 17/10/2020 đến ngày 03/11/2020 là: 4.200.000.000 đồng x 17 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 19.833.333 đồng.

- Ngày 04/11/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng. Ngày 10/02/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 04/11/2020 đến ngày 10/02/2021 là: 2.200.000.000 đồng x 97 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 59.277.777 đồng.

- Ngày 11/02/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.050.000.000 đồng. Ngày 20/3/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 11/02/2021 đến ngày 20/3/2021 là: 2.050.000.000 đồng x 40 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 22.777.777 đồng.

- Ngày 21/3/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng. Ngày 07/4/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 21/3/2021 đến ngày 07/4/2021 là: 1.900.000.000 đồng x 17 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 8.972.222 đồng.

- Ngày 08/4/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.850.000.000 đồng. Ngày 09/4/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 08/4/2021 đến ngày 09/4/2021 là: 1.850.000.000 đồng x 2 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 1.027.777 đồng.

- Ngày 10/4/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng. Ngày 16/4/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 10/4/2021 đến ngày 16/4/2021 là: 1.800.000.000 đồng x 7 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 3.500.000 đồng.

- Ngày 17/4/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng. Ngày 30/4/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 17/4/2021 đến ngày 30/4/2021 là: 1.700.000.000 đồng x 14 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 6.611.111 đồng.

- Ngày 01/5/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.650.000.000 đồng. Ngày 10/5/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 01/5/2021 đến ngày 10/5/2021 là: 1.650.000.000 đồng x 10 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 4.583.333 đồng.

- Ngày 11/5/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng. Ngày 18/5/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 11/5/2021 đến ngày 18/5/2021 là: 1.550.000.000 đồng x 8 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 3.444.444 đồng.

- Ngày 19/5/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng. Ngày 06/6/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 19/5/2021 đến ngày 06/6/2021 là: 1.500.000.000 đồng x 18 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 7.500.000 đồng.

- Ngày 07/6/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.450.000.000 đồng. Ngày 19/6/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 07/6/2021 đến ngày 19/6/2021 là: 1.450.000.000 đồng x 13 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 5.236.111 đồng.

- Ngày 20/6/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.400.000.000 đồng. Ngày 05/11/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 20/6/2021 đến ngày 05/11/2021 là: 1.400.000.000 đồng x 136 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 52.888.888 đồng.

- Ngày 06/11/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.350.000.000 đồng. Ngày 13/11/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 06/11/2021 đến ngày 13/11/2021 là: 1.350.000.000 đồng x 8 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 3.000.000 đồng.

- Ngày 14/11/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng. Ngày 05/12/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 14/11/2021 đến ngày 05/12/2021 là: 1.300.000.000 đồng x 22 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 7.944.444 đồng.

- Ngày 06/12/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.240.000.000 đồng. Ngày 27/12/2021, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 06/12/2021 đến ngày 27/12/2021 là: 1.240.000.000 đồng x 22 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 7.577.777 đồng.

- Ngày 28/12/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.140.000.000 đồng. Ngày 17/01/2022, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 28/12/2021 đến ngày 17/01/2022 là: 1.140.000.000 đồng x 20 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 6.333.333 đồng.

- Ngày 18/01/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.090.000.000 đồng. Ngày 27/01/2022, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 18/01/2022 đến ngày 27/01/2022 là: 1.090.000.000 đồng x 10 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 3.027.777 đồng.

- Ngày 28/01/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 990.000.000 đồng. Ngày 27/4/2022, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 28/01/2022 đến ngày 27/4/2022 là: 990.000.000 đồng x 90 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 24.750.000 đồng.

- Ngày 28/4/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 970.000.000 đồng. Ngày 10/5/2022, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 28/4/2022 đến ngày 10/5/2022 là: 970.000.000 đồng x 13 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 3.502.777 đồng.

- Ngày 11/5/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng. Ngày 17/5/2022, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 11/5/2022 đến ngày 17/5/2022 là: 950.000.000 đồng x 7 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 1.847.222 đồng.

- Ngày 18/5/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 920.000.000 đồng. Ngày 27/5/2022, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 18/5/2022 đến ngày 27/5/2022 là: 920.000.000 đồng x 10 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 2.555.555 đồng.

- Ngày 28/5/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 890.000.000 đồng. Ngày 31/8/2022, bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 28/5/2022 đến ngày 31/8/2022 là: 890.000.000 đồng x 94 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 23.238.888 đồng.

- Ngày 01/9/2022 đến nay, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 850.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 01/9/2022 đến ngày 08/6/2023 là: 850.000.000 đồng x 278 ngày/30 ngày x 10%/12 tháng = 65.638.888 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ lãi mà bị đơn còn nợ nguyên đơn từ ngày 16/01/2019 đến ngày 08/6/2023 là: 1.526.402.778 đồng.

Tuy nhiên tại phiên toà, nguyên đơn (ông T, bà T và bà C) chỉ yêu cầu Toà án buộc bị đơn (bà N, ông Q) trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi là 1.400.000.000 đồng. Xét yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn là có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn.

[3] Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về án phí:*

- Bà Huỳnh Q N và Ông Lê T Q phải chịu 77.000.000 đồng (bảy mươi bảy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cho phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận;

- Hoàn lại cho Ông Nguyễn V T, Bà Nguyễn T A T và Bà Dương T C số tiền 56.210.000 đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 034374 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn V T, Bà Nguyễn T A T và Bà Dương T C:

Buộc Bà Huỳnh Q N và Ông Lê T Q cùng trả cho Ông Nguyễn V T, Bà Nguyễn T A T và Bà Dương T C tổng số tiền là 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó nợ gốc là 850.000.000 đồng và nợ lãi là 1.400.000.000 đồng, theo Hợp đồng vay tiền số 023374 ngày 15/11/2018 tại Văn phòng công chứng Bình Tân.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/6/2023) cho đến khi thi hành án xong, Bà Huỳnh Q N và Ông Lê T Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Q N và Ông Lê T Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 77.000.000 đồng (bảy mươi bảy triệu đồng).

Hoàn lại cho Ông Nguyễn V T, Bà Nguyễn T A T và Bà Dương T C số tiền 56.210.000 đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 034374 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hải